

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	30/06/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104,799,733,284	88,077,397,612
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	39,469,193,026	14,957,665,876
Tiền	111		7,669,193,026	14,957,665,876
Các khoản tương đương tiền	112		31,800,000,000	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16,179,836,584	32,900,000,000
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	16,179,836,584	32,900,000,000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46,371,432,915	37,822,334,938
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	49,588,370,082	36,368,472,268
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2,577,385,661	3,809,774,121
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		12,261,000,000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	22,634,698,569	37,626,635,060
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(40,690,021,397)	(39,982,546,511)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		40,511,921	43,345,311
Hàng tồn kho	141		40,511,921	43,345,311
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (**)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2,738,758,838	2,354,051,487
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7a	570,132,227	608,638,354
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		105,416,210	115,513,475
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	2,062,804,477	1,629,899,658
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

Tài sản ngắn hạn khác	158		405,924	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21,538,135,302	347,409,937
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		919,282,916	210,308,698
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	877,988,816	210,308,698
Nguyên giá	222		1,649,556,632	536,287,094
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(771,567,816)	(325,978,396)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	41,294,100	-
Nguyên giá	228		1,654,945,638	43,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,613,651,538)	43,000,000
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		3,041,616	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3,041,616	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20,348,677,526	-
Đầu tư vào công ty con	251			

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

			20,348,677,526	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-	-
Đầu tư khác vào công ty khác	253	-	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	260		267,133,244	137,101,239
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7b	-	137,101,239
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	268	-	-	-
Lợi thế thương mại	269	5.10	267,133,244	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		126,337,868,586	88,424,807,549

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	30/06/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		53,552,905,284	25,542,353,459
Nợ ngắn hạn	310		53,489,287,318	25,542,353,459
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	51,967,004	393,825,365
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13,483,446,724	13,541,520
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	236,089,048	738,938,696
Phải trả người lao động	314		262,586,038	270,305,329
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	7,076,999
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		8,400,000,000	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	2,810,158,398	1,242,098,785
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14		

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

			28,244,781,750	22,876,308,409
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	258,356		258,356
Quỹ bình ổn giá	323	-	-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-	-
Nợ dài hạn	330	63,617,966	-	-
Phải trả người bán dài hạn	331	-	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-	-
Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	337	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	63,617,966	-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-	-
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	72,784,963,302	62,882,454,090	
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	72,784,963,302	62,882,454,090
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		92,418,010,000	92,418,010,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92,418,010,000	92,418,010,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		55,260,000	55,260,000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		(1,744,349,375)	(1,744,349,375)

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	1,705,559,758	1,705,559,758
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(24,601,198,998)	(29,552,026,293)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(25,066,415,090)	(24,460,591,850)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	465,216,092	(5,091,434,443)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	4,951,681,917	
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
Nguồn kinh phí	432	-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	126,337,868,586	88,424,807,549

Ngày 18 tháng 07 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Thanh Chi



Nguyễn Thị Thanh Chi



Kakazu Shogo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thu yết minh	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước	Số từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Số từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2,274,822,720	823,292,941	2,303,512,920	1,788,062,332
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	2,274,822,720	823,292,941	2,303,512,920	1,788,062,332
Giá vốn hàng bán	11	6.2	19,682,136	1031075003	36,005,520	2,088,703,598
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,255,140,584	(207,782,062)	2,267,507,400	300,641,266
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	963,200,991	154482540	4,443,652,055	223,446,785
Chi phí tài chính	22	6.4	27,923,564	749504343	35,858,860	749,507,323
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24					
Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2,841,619,348	2,029,800,348	6,125,119,824	3,791,147,981
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		348,798,663	(2,832,604,213)	550,180,771	(4,617,849,785)
Thu nhập khác	31		81,053,849	-	81,053,849	-
Chi phí khác	32	6.6	-	4,327,747	-	5,327,747
Lợi nhuận khác	40		81,053,849	(4,327,747)	81,053,849	(5,327,747)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		429,852,512	(2,836,931,960)	631,234,620	(4,623,177,532)
Chi phí thuế TNDN hiện	51	6.8				

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

hành	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại 52	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 60	429,852,512	(2,836,931,960)	631,234,620	4,623,177,532
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ 61	465,216,092	(2,836,931,960)	331,222,439	(4,623,177,532)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát 62	(35,363,581)	-	(133,962,728)	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu 70 6.9	49	(307)	22	500
Lãi suy giảm trên cổ phiếu 71 6.9	49	(307)	22	500

Ngày 18 tháng 07 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thanh Chi

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Chi

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kakazu Shogo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	30/06/2019	30/06/2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	429,852,512	(4,067,755,371)
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	108,355,478	23,231,065
Các khoản dự phòng	03	-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	124,588,569
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(223,907,381)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	538,207,990	(4,143,843,118)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3,282,028,337)	2,860,314,040
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	2,899,905
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	17,573,299,073	513,223,731
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(167,197,002)	(31,037,405)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1,751,750,000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(371,528,160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14,662,281,724	581,778,993
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1,050,754,574)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8,400,000,000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	3,000,000,000
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(12,500,000,000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	163,907,381
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21,950,754,574)	3,163,907,381
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ SH	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	22,800,000,000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	22,800,000,000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(7,288,472,850)	26,545,686,374
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14,957,665,876	21,312,856,140
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	-	75,411,431
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7,669,193,026	47,933,953,944

Ngày 18 tháng 07 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Nguyễn Thị Thanh Chi

Nguyễn Thị Thanh Chi

Kakazu Shogo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PGT Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 đăng ký lần đầu ngày ngày 06 tháng 09 năm 2007, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 10) vào ngày 10 tháng 07 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 92.418.010.000 đồng (Chín mươi hai tỷ bốn trăm mười tám triệu không trăm mười nghìn đồng).

Mã chứng khoán của Công ty là PGT.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe buýt, xe taxi; Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Đại lý bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy;
- Kinh doanh nhà, môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo dạy nghề, cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển; Cho thuê kho; Môi giới thương mại;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông; Khai thác cát, sỏi đá xây dựng, đá lát đường, khoáng sản;
- Mua bán gas, dầu nhớt các loại, hàng nông lâm thủy sản nguyên liệu ngành xăng dầu - công nghiệp - nông nghiệp, lương thực thực phẩm;
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, máy nổ - động cơ có máy nổ và phụ tùng linh kiện thay thế, ô tô;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe các loại; Thi công cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm: Giới thiệu lao động;
- Hoạt động cấp tín dụng khác: Dịch vụ cầm đồ;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác: Quỹ tín dụng nhân dân;
- Cho thuê xe ô tô;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); tổ chức sự kiện và các dịch vụ liên quan;
- Lắp trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác có liên quan đến máy vi tính;
- Dịch vụ tư vấn du học.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tổng số các công ty con: 03 (ba) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03 (hai) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	L14,08B, Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF)	Số 192, Myanmar Plaza Ground Floor, Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon	70,00%	70,00%
Công ty TNHH Đầu tư Upraise (tên cũ là Công ty TNHH Du lịch Thủy Thiên Tấn)	Tầng 12, Tòa nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần PGT Holdings ("Công ty mẹ") và ba công ty con: Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát ("Công ty con"); Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMP) ("Công ty con") và Công ty TNHH Đầu tư Upraise (tên cũ là Công ty TNHH Du lịch Thủy Thiên Tấn) ("Công ty con"). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Lợi thế Thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ), được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

4.4. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Nhóm Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

4.6. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của Văn phòng đại diện và Công ty con ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của Văn phòng đại diện và Công ty con ở nước ngoài được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty được trình bày tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại chỉ tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát".

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết cuối kỳ được tính toàn bộ cho Công ty và được ghi nhận vào chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Văn phòng đại diện hoặc công ty con ở nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 06 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

4.10. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

4.11. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.13. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

4.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.17. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

4.18. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Nhóm Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

4.20. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019	30/06/2018
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	201.789.159	1.072.060.496
Tiền gửi ngân hàng	3.469.144.587	13.885.605.380
Các khoản tương đương tiền (i)	35.800.000.000	32.900.000.000
Cộng	39.470.933.746	47.857.665.876

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019	30/06/2018
	(VND)	(VND)
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	49.588.370.082	27.855.320.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm	27.855.320.000	27.855.320.000
- Doanh nghiệp tư nhân Gara Sửa chữa Ô tô Khánh Ngọc	5.207.287.675	5.207.287.675
- Công ty TNHH Hoàng Đạt	1.194.873.000	1.194.873.000
- Công ty TNHH XD SX TM Lê Hoàn	561.919.900	561.919.900
- Công Ty Cổ Phần Tân Tân	297.747.182	297.747.182
- Công Ty CP Kết Cấu Thép Thành Long Vineco	208.963.377	208.963.377
- Nguyễn Văn Thủy	137.870.393	137.870.393
- Cty CP XL Và Thi Coonng Cơ Giới Tây Đô	130.200.000	130.200.000
- Các khách hàng khác	20.958.759.341	774.290.741
Cộng	49.588.370.082	27.855.320.000

5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2019	30/06/2018
	(VND)	(VND)
- Global Mobility Service Inc (i)	1.892.916.000	1.892.916.000
- Công CP nhà Hòa Bình		371.528.160
- Công ty Chim Cánh Cụt bay		791.000.000
- Công ty TNHH Hoa Lâm Japan (ii)	535.920.000	535.920.000
- Các nhà cung cấp khác	148.549.661	217.409.961
Cộng	2.577.385.661	3.808.774.121

5.4 Phải thu khác**a. Phải thu ngắn hạn khác**

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

	<u>Số cuối năm</u> Giá gốc	Dự phòng	<u>Số đầu năm</u> Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng	546.175.493	-	1,466,070,616	-
Ký cược, ký quỹ		-	296,404,908	-
BHXH phải thu		-	2,663,761	-
Phải thu khác	21.093.124.187	3,991,164,303	30,404,005,646	3,991,164,303
Công ty Cổ phần Việt Nam Manpower Supply (i)		-	11,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Toki (ii)	8,940,500,000	-	8,940,500,000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Freeway (iii)	7.000.000.000	-	4,390,000,000	-
Công ty Cổ phần Hiệp Thành An (iv)	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000
Công ty Cổ phần Vinaterrace Hotels Nguyễn Hoàng Giang	478.671.767	-	2,017,890,520	-
Các đối tượng khác	264,178,662	264,178,662	264,178,662	264,178,662
	2.405.172.643	726,985,641	791,436,464	726,985,641
Cộng	22.634.698.569	3,991,164,303	32,169,144,931	3,991,164,303

b. Phải thu dài hạn khác

	<u>30/06/2019</u> (VND)		<u>30/06/2018</u> (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty TNHH Wacontre	-	-	-	-
- Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn (i)	371.528.160	-	371.528.160	-
Cộng	371.528.160	-	371.528.160	-

(i) Là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng theo Hợp đồng cho thuê số 03/2018/HDTV/P11/HHB-HOLDINGS ngày 03/02/2018 với Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình. Thời gian thuê từ ngày 03/02/2018 đến hết ngày 02/02/2020.

5.5 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	145,592,965		1,169,382,628	1,314,975,593
Hợp nhất công ty con	-	245,000,000	96,026,557	341,026,557
Thanh lý công ty con	-			-
Số dư cuối năm	145,592,965	245,000,000	1,169,382,628	1.656.002.150
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	145,592,965	245,000,000	129,354,244	519,947,209
Khấu hao trong năm	-		251,620,607	251,620,607
Thanh lý công ty con	-			-
Số dư cuối năm	145,592,965	245,000,000	380,974,851	771,567,816
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-	1,040,028,384	1,040,028,384
Tại ngày cuối năm	-	-	884,434,334	884,434,334

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	43,000,000		43,000,000
Hợp nhất công ty con	-	1,611,945,638	1,611,945,638
Số dư cuối năm	43,000,000	1,611,945,638	1,654,945,638
Giá trị hao mòn			
Số dư đầu năm	43,000,000	-	43,000,000
Hợp nhất công ty con	-	1,213,123,372	1,213,123,372
Khấu hao trong năm	-	357,528,167	357,528,167
Số dư cuối năm	43,000,000	1.613.651.538	1.613.651.538
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	106,380,013	106,380,013
Tại ngày cuối năm	-	41,294,100	41,294,100

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

-	41.294.100
---	-------------------

5.7 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2019 (VND)		30/06/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Các nhà cung cấp khác	51.967.004	51.967.004	389.741.365	389.741.365
Cộng	51.967.004	51.967.004	389.741.365	389.741.365

5.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	236.089.048	236.089.048	390.241.777	390.241.777
Cộng	236.089.048	236.089.048	390.241.777	390.241.777

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.9 Phải trả khác**Phải trả khác ngắn hạn**

	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	7.286.700	7.286.700	7.301.600	7.301.600
Bảo hiểm xã hội phải nộp	2.396.691	2.396.691	-	-
Nhận ký quỹ, lý cước ngắn hạn	969.544.974	969.544.974	23.596.235	-
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>635.554.070</i>	<i>635.554.070</i>	<i>635.554.070</i>	<i>635.554.070</i>
<i>Thù lao Hội đồng quản trị</i>	<i>711.029.600</i>	<i>711.029.600</i>	<i>672.029.600</i>	<i>672.029.600</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>484.346.363</i>	<i>484.346.363</i>	<i>33.218.266</i>	<i>33.218.266</i>
Cộng	2.810.158.398	2.810.158.398	1.371.699.771	1.348.103.536

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.10 Vốn chủ sở hữu**Cổ phiếu**

	<u>30/06/2019</u> (VND)	<u>30/06/2018</u> (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.241.801	9.241.801
- Cổ phiếu phổ thông	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(384.196)	(384.196)
- Cổ phiếu phổ thông	(384.196)	(384.196)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.857.605	8.857.605
- Cổ phiếu phổ thông	8.857.605	8.857.605

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2019</u> (VND)	<u>Năm 2018</u> (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	92.418.010.000	92.418.010.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	92.418.010.000	92.418.010.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu		823.292.941
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	2.274.822.720	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Hàng bán trả lại	-	-
Doanh thu thuần	2.274.822.720	823.292.941

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ khác	19.682.136	1.057.628.595
Cộng	19.682.136	1,057,628,595

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động tài chính khác	963.200.991	154.482.540
Cộng	963.200.991	154.482.540

6.4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí tài chính	27.923.564	749.504.343
Cộng	27.923.564	749.504.343

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2019</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2018</u> <u>(VND)</u>
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.841.619.348	2.029.800.348
Cộng	2.841.619.348	2.029.800.348

6.5. Doanh thu khác

	<u>Năm 2019</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2018</u> <u>(VND)</u>
- Chi phí khác	81.053.849	0
Cộng	81.053.849	1.000.000

6.6. Chi phí khác

	<u>Năm 2019</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2018</u> <u>(VND)</u>
- Chi phí khác		4.327.747
Cộng		4.327.747

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm 2019</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2018</u> <u>(VND)</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.857.605	9.240.705
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	(224.220)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm

8.857.605

9.016.485

7 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

8.1. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán.

8.2. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Ngày 18 tháng 07 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thanh Chi

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Chi

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kakazu Shogo